

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH
Bản án số: 54 /2018/HSST
Ngày 10/8/2018

¹
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Nguyễn Thị Hải Lý*
- *Các hội thẩm nhân dân:*

- 1. Bà Nguyễn Thị Nhiều**
- 2. Ông Phạm Đức Hiễn**

- *Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tho* - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hoài* - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2018/TLST- HS ngày 12 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Xuân A, sinh ngày 02/10/1985, tại huyện V.

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân B, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953. Bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân: Quyết định số 73/QĐ-UB ngày 04/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thời hạn 12 tháng. Đã chấp hành xong vào ngày 26/12/2013.

Tiền án: Bản án số 60/2015/HS-ST ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt Trần Xuân A 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/3/2017. Phần án phí hình sự và dân sự sơ thẩm hiện chưa thi hành. Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/5/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V (*Bị cáo trích xuất, có mặt*)

*** Người bị hại:** Anh Trần Sách K, sinh năm 1982;

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*)

*** Người làm chứng:**

1. Anh Trần Đắc Thảo, sinh năm 1975;

2. Anh Vũ Duy Long, sinh năm 1968

Đều trú tại: thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(*Anh Thảo, anh Long vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 24/4/2018, Trần Xuân A đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu là anh Trần Sách K trong việc quản lý tài sản nên đã trộm cắp 01 xe lô-tự chế 03 bánh trị giá 2.790.000 đồng của anh K, mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa, bị cáo A khai nhận: Do bị mắc nghiện ma túy và cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 13 giờ ngày 24/4/2018, A điều khiển xe mô-tô loại Nouvo nhãn hiệu Yamaha, màu xanh biển số đăng ký 29xx-xxxx từ nhà ở thôn N, xã V, huyện V đi theo hướng thị trấn V rồi đi theo đường 10 hướng thành phố Nam Định, mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đến khu vực thôn T, xã T, huyện V cách cầu Nhất khoảng 500m, A phát hiện thấy trước cửa một nhà dân bên đường có 01 xe ba bánh tự chế, A có ý định trộm cắp chiếc xe này nhưng do phát hiện có người theo dõi nên A đã bỏ đi theo hướng thành phố Nam Định. Khi đến cầu Tân Độ, A quay xe lại đi về hướng thành phố T thì phát hiện thấy trước cửa nhà anh Trần Sách K có 01 xe lô-tự chế 03 bánh. A xuống xe quan sát thấy không có ai nên đi lại gần xe và nhặt 01 đoạn nilon màu đỏ ở đường rồi kéo chiếc xe ba bánh lại phía sau xe mô-tô, dùng dây nilon buộc đầu càng lái xe ba bánh vào gác ba ga sau xe mô-tô biển số đăng ký 29xx-xxxx rồi điều khiển xe đi về hướng thành phố T để tìm nơi tiêu thụ. Khi A về đến Km 97+300 quốc lộ 10 thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện V thì bị quần chúng nhân dân bắt giữ đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T.

Kết luận định giá số 08/KLHD ngày 02/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V, kết luận: 01 xe lô-tự chế 03 bánh có chiều dài 2,3m, lòng rộng 0,8m, càng lái bằng sắt tròn dài 1,5m, thành xe phía bên trong được làm bằng sắt chữ V dày 3mm, thành ngoài làm bằng sắt chữ V dày 2mm, càng xe được nối với xe và có bánh xe phía trước làm bằng sắt hộp vuông dày 4mm, sàn xe

được làm bằng tôn phẳng dày 3mm, đã qua sử dụng mà Trần Xuân A trộm cắp của anh Trần Sách K có giá trị 2.790.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKSVT ngày 10/7/2018 của VKSND huyện V truy tố Trần Xuân A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân A phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, điểm h khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trần Xuân A từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Trần Sách K đã nhận lại được tài sản là chiếc xe xe lôi tự chế 03 bánh và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho anh Trần Sách K là chủ sở hữu hợp pháp: 01 xe lôi tự chế 03 bánh đã qua sử dụng (có đặc điểm như biên bản quản lý).

* Đối với chiếc xe mô tô loại Nouvo nhãn hiệu Yamaha, màu xanh, biển số đăng ký 29xx-xxxx, A sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản: Ông Trần Xuân B (bố đẻ A) khai mua lại của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 ở thôn T, xã N, huyện V không có giấy tờ mua bán. Qua tài liệu điều tra xác minh, xe mô tô A điều khiển mang tên chị Trần Thị H, địa chỉ P122 C16, T, thành phố Hà Nội. Do chưa xác minh làm rõ được nguồn gốc xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tách ra tiếp tục quản lý xác minh làm rõ để xử lý sau là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là anh Trần Sách K; Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình lập hồi 15 giờ ngày 24/4/2018, tại khu vực đường 10 thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; Kết luận định giá số 08/KLHD ngày 02/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V; Biên bản ghi lời khai những người làm chứng là anh Trần Đắc T và anh Vũ Duy L.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi Trần Xuân A trộm cắp 01 chiếc xe ô tô tự chế 03 bánh trị giá 2.790.000 đồng của người bị hại là anh Trần Sách K đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét hành vi của bị cáo A là nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của gia đình anh Trần Sách K đã trộm cắp 01 chiếc xe ô tô tự chế 03 bánh có trị giá 2.790.000 đồng (Hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xét đến nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo A có nhân thân xấu. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy. Bị cáo đã từng bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 73/QĐ-UB ngày 04/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình. Đã chấp hành xong vào ngày 26/12/2013.

Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của các bị cáo thì thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân A thành khẩn khai báo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo A có 01 tiền án. Tại bản án số 60/2015/HS-ST ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt Trần Xuân A 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/3/2017. Bị cáo phạm tội nhưng chưa được xóa án tích mà lại phạm một tội mới do cố ý. Vì vậy, bị cáo phải

chịu một tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: cần xử phạt bị cáo một mức án như đại diện của Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

* **Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”.

Vì bị cáo là đối tượng nghiện, không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là anh Trần Sách K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

01 xe ô tô tự chế 03 bánh có chiều dài 2,3m; lòng rộng 0,8m; cang lái bằng sắt tròn dài 1,5m; thành xe phía bên trong được làm bằng sắt chữ V dày 3mm, thành ngoài làm bằng sắt chữ V dày 2mm, cang xe được nối với xe và có bánh xe phía trước làm bằng sắt hộp vuông dày 4mm, sàn xe được làm bằng tôn phẳng dày 3mm (đã qua sử dụng) là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trần Sách K. Xét thấy không cần thiết phải tiếp tục quản lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho anh K (*tại biên bản trả tài sản ngày 25/5/2018*).

Xét việc xử lý vật chứng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với chiếc xe mô tô loại Nouvo nhãn hiệu Yamaha, màu xanh, biển số đăng ký 29xx-xxxx, A sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản: Ông Trần Xuân B(bố đẻ A) khai mua lại của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 ở thôn T, xã N, huyện V không có giấy tờ mua bán. Qua tài liệu điều tra xác minh, xe mô tô A điều khiển mang tên chị Trần Thị H, địa chỉ P122 C16, T, thành phố Hà Nội. Do chưa xác minh làm rõ được nguồn gốc xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tách ra tiếp tục quản lý xác minh làm rõ để xử lý sau là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo; người bị hại có 15 ngày kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân A phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Trần Xuân A 01(một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Trần Sách K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về phần trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

3. Về vật chứng, xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự : Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Sách K, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình: 01 xe ô tô tự chế 03 bánh (có đặc điểm như biên bản quản lý tài sản).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/8/2018.

Vắng mặt người bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận :

- Công an huyện V;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THA dân sự huyện V;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Sở TP
- TAND tỉnh Thái Bình
- Lưu HS; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)